CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM,HÀNG HÓA

Doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN THUỶ
Địa chỉ trụ sở: 496/91/10 Dương Quảng Hàm, Phường An Nhơn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa chỉ sản xuất: 496/91/10 Dương Quảng Hàm, Phường An Nhơn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS 01: 2025/THIENTHUY
SẢN PHẨM DỆT MAY

Lần 1, 2025
Ngày 01 tháng 09 năm 2025

	Người soạn thảo	Phê duyệt
Họ và tên		**NGUYỄN THỊ MỸ HÂN**
Chức vụ		**Giám đốc**
Chữ ký		Nguyễn Thị Mỹ Hân

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu về chất lượng, an toàn, bao gói, ghi nhãn, áp dụng cho sản phẩm dệt may do **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN THUỶ** sản xuất.

2. Tài liệu viện dẫn

QCVN 01:2017/BCT về Mức giới hạn hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may.

3. Yêu cầu kỹ thuật

3.1 Yêu cầu về thành phần chất liệu, cảm quan

TT	Tên sản phẩm	Thương hiệu	Mã hàng theo Phụ lục 1, QCVN 01:2017/BCT	Các loại vải (*tính theo thành phần % chất liệu cấu tạo lên vải dùng để sản xuất sản phẩm*)	Số TCCS hoặc thông số kỹ thuật (nếu có)	Phân nhóm sản phẩm dệt may
1.	Khăn ướt không mùi	Thiên Thủy TT	6307.10	100% Polypropylene	TCCS 01:2025/ THIENTHUY	Nhóm tiếp xúc trực tiếp với da
2.	Khăn ướt có hương	Thiên Thủy TT	6307.10	100% Polypropylene	TCCS 01:2025/ THIENTHUY	Nhóm tiếp xúc trực tiếp với da
3.	Khăn ướt tẩm cồn	Thiên Thủy TT	6307.10	100% Polypropylene	TCCS 01:2025/ THIENTHUY	Nhóm tiếp xúc trực tiếp với da
4.	Khăn khô	Thiên Thủy TT	6307.10	100% Polypropylene	TCCS 01:2025/ THIENTHUY	Nhóm tiếp xúc trực tiếp với da
5.	Bông tẩy trang	Thiên Thủy TT	6307.10	100% Polypropylene	TCCS 01:2025/ THIENTHUY	Nhóm tiếp xúc trực tiếp với da
6.	Tăm bông	Thiên Thủy TT	9619	100% Polyester	TCCS 01:2025/ THIENTHUY	Nhóm tiếp xúc trực tiếp với da

3.2 Yêu cầu về lý- hóa

Các chỉ tiêu chất lượng của sản phẩm được quy định theo yêu cầu về chỉ tiêu lý - hóa:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng giới hạn	Phương pháp thử
1.	Hàm lượng formaldehyt (Sản phẩm dệt may tiếp xúc trực tiếp với da)	mg/kg	75	TCVN 7421-1:2013 hoặc ISO 14184-1:2011
2.	Hàm lượng các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm	mg/kg	30	TCVN 7619-1:2007 TCVN 7619-2:2007/

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chất lượng giới hạn	Phương pháp thử
	azo			ISO 24362-1:2014

4. Ghi nhãn

- Ghi nhãn sản phẩm theo quy định tại mục 25, Phụ lục I, Nghị định số 43/2018/NĐ-CP và 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về nhãn hàng hóa gồm các thông tin về:

a) Thành phần hoặc thành phần định lượng;

b) Thông số kỹ thuật;

c) Thông tin cảnh báo;

d) Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản;

đ) Năm sản xuất;

e) Địa chỉ sản xuất;

g) Tên công ty sản xuất;

h) Tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm;

- Sản phẩm được gắn dấu phù hợp Quy chuẩn QCVN 01:2017/BCT (dấu CR hợp quy) trên Thẻ bài gắn vào từng sản phẩm.

5. Đóng gói

Sản phẩm được gấp gọn gàng sau đó được đóng túi ni lông hoặc đóng hộp giấy tùy vào quy cách bao gói và yêu cầu của khách hàng.

6. Bảo quản

Để nơi khô ráo, thoáng mát.

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 09 năm 2025

Giám Đốc

M.S.D.N: 0314039199 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN THUỶ - Q. GÒ VẤP - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ MỸ HÂN